TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** Bản án số:08/2020/HNGĐ - ST Ngày 28/5/2020. (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Qu.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị H –Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Đinh Thị A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Đinh Hồng T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị A và anh T đều vắng mặt – đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị A trình bày: Tôi và anh Đinh Hồng T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/4/2015 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới tôi và anh T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và anh T hay lô dề, cờ bạc không quan tâm cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi vã trong cuộc sống. Do mâu thuẫn nặng nên từ giữa năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đinh Hồng T.

Về con chung: Chị A trình bày vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2020, quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận việc kết hôn đúng như chị A đã nêu trên. Anh T có ý kiến sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N một thời gian ngắn khoảng 01 tháng sau đó hai vợ chồng ra Hà Nội thuê nhà để sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng kết hôn lâu chưa có con và do tính chất công việc nên không ở cùng nhau. Anh T thừa nhận từ giữa năm 2017 đến nay hai vợ chồng không chung sống cùng nhau nhưng anh vẫn liên lạc với vợ. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn với chị A. Về con chung, anh T cũng xác định vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đinh Hồng T có địa chỉ: Xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Đinh Thị A và anh Đinh Hồng T là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của hai bên là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con chung. Thực tế từ giữa năm 2017 đến nay vợ chồng chị A, anh T đã sống ly thân. Bản thân anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại vắng mặt tại phiên hòa giải thứ hai và xin vắng mặt tại phiên tòa nên chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí thực sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Còn chị A thì kiên quyết khẳng định không còn tình cảm, tình thương yêu với anh T nữa. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Đinh Thị A và anh Đinh Hồng T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị A, xử cho chị A được ly hôn anh Đinh Hồng T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của hai bên là thống nhất nên Tòa án xác định chị A và anh Tường không có con chung nên vấn đề này Tòa không xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị A và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị A phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Đinh Thị A được ly hôn anh Đinh Hồng T.

2. Về án phí:

Chị Đinh Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đinh Thị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000019 ngày 13/02/2020.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Q